TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2019

V/v**:** "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc

2/ Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/8/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1989. Nơi cư trú: số 338 đường Cây Sung – Bến Đò, tổ 6, thôn 9, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Thành A, sinh năm 1987. Nơi cư trú: số 338 đường Cây Sung – Bến Đò, tổ 6, thôn 9, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2019; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C trình bày: Bà và ông Nguyễn Trần Thành A tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tín vào ngày 26/11/2007. Ông bà có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Lệ Q, sinh ngày 25/9/2008 và Nguyễn Huỳnh Nguyên B, sinh ngày 13/11/2012. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được thời gian đầu, còn những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hòa hợp, vợ chồng không thể trò chuyện, tâm sự được với nhau bởi không cùng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, ông A là người sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xung đột về tài chính gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay bà C nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông A đã thật sự bế tắc, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q, còn ông A nuôi cháu B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của ông A cũng như tiến hành phiên họp theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được triệu tập lần hai. Do đó xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông A thường xuyên

mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng sống ly thân thời gian dài vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện tại mỗi người sống một nơi. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy cháu Q có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Cháu B hiện đang sống chung với ông A. Do đó khi giải quyết ly hôn thì cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và giao cho ông A nuôi dưỡng cháu B là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án triệp tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà C và ông A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà C và giấy khai sinh của 02 cháu Lệ Q và Nguyên B thì có đủ cơ sở xác định 02 cháu là con của ông A và bà C. Về tình trạng hôn nhân: Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà C xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông A và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với lý do ông A

sống thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm gia đình, vợ con; vợ chồng thường xuyên xung đột, mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm, hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn quam tân đến nhau. Lời khai này của bà C phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có sở sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông A đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Q hiện đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cháu B đang sống chung với cha và gia đình ông bà Nội. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu thì cần giao cháu Q cho bà C và giao cháu B cho ông A trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà C là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc C.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Huỳnh Thị Ngọc C ly hôn ông Nguyễn Trần Thành A.

- Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị Ngọc C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Nguyễn Huỳnh Lệ Q, sinh ngày 25/9/2008; giao cho ông Nguyễn Trần Thành A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con Nguyễn Huỳnh Nguyên B, sing ngày 13/11/2012. Bà C và ông A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm**:** Bà Huỳnh Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025565 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/11/2019); bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Đức Tín;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.